

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	04 - 24
Bảng cân đối kế toán	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	07
Thuyết minh Báo cáo tài chính	08 - 24

CÔNG TY TNHH MTV TCT XD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4

Tòa nhà ICON4, đường Đê La Thành, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 4 (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc gồm:

Ông Nguyễn Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Lê Ngọc Hoa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vĩnh Lộc	Kế toán trưởng

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lê Ngọc Hoa



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN THUẾ (ATC)

Phòng 201, Tòa nhà 262 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: (84-4).6266.2284, Fax: (84-4).6266.2285, Web: www.atc-audit.com

Số: 71/2013/ATC-KTTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 4

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 4**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 4 từ trang 04 đến trang 24 được lập ngày 20/03/2013, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ phản hồi thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2012. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính đầy đủ và chính xác của khoản mục này và ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính liên quan đến hạn chế ở trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty công trình giao thông 4 tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

Không phủ nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi chỉ lưu ý người đọc báo cáo tài chính này rằng: Căn cứ công văn số 2178/BGTVT-TC ngày 19/03/2013 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, Tổng Công ty đã tiến hành một số công tác xử lý tài chính trong theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ chuẩn bị cho công tác xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa trong báo cáo tài chính năm 2012.

Báo cáo này phát hành thay thế Báo cáo kiểm toán số 03/2013/ATC-KTTC ngày 25/02/2013



Lê Thanh Công
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 0498/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN THUẾ (ATC)

Phan Thanh Quân

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1974/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.318.948.701.741	997.445.375.780
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	82.691.358.743	42.588.491.481
1. Tiền	111		82.691.358.743	42.588.491.481
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	174.000.000.000	40.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		174.000.000.000	40.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		796.972.990.047	561.846.543.419
1. Phải thu khách hàng	131		455.026.909.708	145.823.499.011
2. Trả trước cho người bán	132		193.660.512.791	207.723.721.498
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	245.822.992
4. Các khoản phải thu khác	135	V.03	148.719.751.055	208.768.669.973
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(434.183.507)	(715.170.055)
IV- Hàng tồn kho	140	V.04	256.097.394.107	330.987.817.809
1. Hàng tồn kho	141		256.097.394.107	330.987.817.809
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		9.186.958.844	22.022.523.071
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		199.528.153	270.198.860
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.05	85.050.574	4.557.329.912
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	1.472.399.690
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.902.380.117	15.722.594.609
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		923.909.021.555	802.509.315.941
I Các khoản phải thu dài hạn	210		43.898.608.079	-
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		43.898.608.079	-
II Tài sản cố định	220		681.061.412.325	635.661.467.038
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	556.634.533.803	568.313.272.023
- Nguyên giá	222		848.658.016.356	803.913.748.952
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(292.023.482.553)	(235.600.476.929)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	2.546.480.426	2.546.480.426
- Nguyên giá	228		2.963.879.371	2.963.879.371
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(417.398.945)	(417.398.945)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	121.880.398.096	64.801.714.589
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	140.833.240.074	115.837.888.574
1. Đầu tư vào công ty con	251		67.960.448.574	82.722.388.574
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		76.296.750.000	63.884.810.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.961.500.000	1.961.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(5.385.458.500)	(32.730.810.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		58.115.761.077	51.009.960.329
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	58.023.050.177	50.903.023.029
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.06	92.710.900	106.937.300
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.242.857.723.296	1.799.954.691.721

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.948.886.081.742	1.610.052.712.550
I- Nợ ngắn hạn	310		1.216.563.173.668	922.969.333.594
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	465.422.847.443	402.795.414.600
2. Phải trả người bán	312		220.034.674.668	196.311.157.915
3. Người mua trả tiền trước	313		409.998.278.681	278.756.430.652
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	34.780.568.303	2.367.753.243
5. Phải trả người lao động	315		58.814.057.540	26.649.928.668
6. Chi phí phải trả	316	V.14	910.020.832	3.471.963.058
7. Phải trả nội bộ	317		-	245.822.992
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	10.204.173.870	8.980.587.431
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		16.398.552.331	3.390.275.035
II- Nợ dài hạn	330		732.322.908.074	687.083.378.956
1. Phải trả dài hạn người bán	331		465.074.572.218	337.502.018.033
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		266.000.000	286.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	262.941.427.942	319.725.446.768
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.909.172.084
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337		3.974.976.097	27.619.832.980
7. Doanh thu chưa thực hiện	338		65.931.817	40.909.091
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		293.971.641.554	189.901.979.171
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.17	293.971.641.554	189.901.979.171
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		233.593.790.861	166.598.806.007
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	27.651.582
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		43.211.665.618	11.450.272.456
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.923.539.118	8.990.887.849
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		242.645.957	242.645.957
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	410.320.500
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
7. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	422		-	2.181.394.820
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)			2.242.857.723.296	1.799.954.691.721

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Văn Trường Giang

Nguyễn Vĩnh Lộc

Lê Ngọc Hoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.18	3.158.348.490.925	1.688.925.050.928
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.18	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	V.18	3.158.348.490.925	1.688.925.050.928
4. Giá vốn hàng bán	11	V.19	2.897.645.990.790	1.513.006.704.702
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		260.702.500.135	175.918.346.226
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.20	43.474.972.796	46.508.562.390
7. Chi phí tài chính	22	V.21	134.773.809.747	130.009.742.511
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		118.056.936.281	122.076.254.383
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		121.084.131.126	75.365.984.204
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		48.319.532.058	17.051.181.901
11. Thu nhập khác	31	V.22	66.666.042.328	5.261.249.172
12. Chi phí khác	32		12.732.343.490	3.194.426.965
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		53.933.698.838	2.066.822.207
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		102.253.230.896	19.118.004.108
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.23	22.080.961.209	1.693.512.197
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		80.172.269.687	17.424.491.911

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Văn Trường Giang

Nguyễn Vĩnh Lộc

Lê Ngọc Hoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND
Năm 2011
VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
A	B	C	(1)	(2)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		3.440.232.112.756	1.459.793.990.913
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(2.834.166.213.019)	(1.224.018.731.498)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(95.876.830.410)	(93.917.163.099)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(100.659.251.105)	(114.476.210.591)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(244.367.923)	(275.789.259)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		476.283.162.818	199.986.277.244
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(848.017.113.180)	(206.632.024.764)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		37.551.499.937	20.460.348.946
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.645.694.686)	(988.697.479)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		4.376.000	259.432.620
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.306.028.133.055)	(1.021.449.987.988)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.315.254.015.012	1.055.199.987.988
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.871.587.525	3.507.713.766
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.456.150.796	36.528.448.907
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.060.355.818.253	119.952.984.332
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.072.260.601.724)	(167.243.409.992)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.904.783.471)	(47.290.425.660)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		40.102.867.262	9.698.372.193
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		42.588.491.481	32.890.119.288
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01	82.691.358.743	42.588.491.481

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Văn Trường Giang

Nguyễn Vĩnh Lộc

Lê Ngọc Hoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 4 được thành lập theo Quyết định số 2900324850 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 11 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại : Tầng 10-11, Tòa nhà ICON4, Số 243A đường Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là kinh doanh thương mại; dịch vụ; sản xuất; xây dựng; xây lắp tổng hợp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình hạ tầng cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng các công trình điện chiếu sáng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất xi măng;
- Sản xuất sắt, thép;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Hoạt động các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Khai thác đá, cát, sỏi và đất sét;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Đầu tư các công trình hạ tầng giao thông, nhà máy thủy điện loại nhỏ và kết cấu hạ tầng khác theo hình thức BOT, BT, BOO;
- Khảo sát, thiết kế công trình giao thông, dân dụng công nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp;
- Tư vấn đầu tư;
- Cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng;
- Đào tạo nghề ngắn hạn, hợp tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới;
- Khai thác, chế biến lâm sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại thông tư 206/2009/TT-BTC ngày 27/01/2009 và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Năm sử dụng ước tính</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc, thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải	06 – 07
Thiết bị văn phòng	03 – 06
Các tài sản khác	03 - 05

Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty con là các khoản đầu tư vào các Công ty do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào công ty liên kết là khoản đầu tư mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty liên doanh là các Công ty mà Công ty mẹ có quyền đồng kiểm soát các hoạt động của Công ty này, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và yêu cầu sự nhất trí cao về các quyết định tài chính và hoạt động.

Các khoản góp vốn vào Công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo giá gốc và được phản ánh là một khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh trên báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, các chi phí tiếp thị, quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Tổng Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm tuân các quy định kế toán hiện hành.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Tổng Công ty và quyết định của Hội đồng thành viên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, được phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng: làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn theo CMKTVN số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

Tất cả các khoản phát sinh chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dự tiên lệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán phù hợp với quy định tại thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	8.314.431.527	9.235.641.593
Tiền gửi ngân hàng	74.376.927.216	33.352.849.888
Tổng	82.691.358.743	42.588.491.481

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	174.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Hai Bà Trưng	-	20.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Nghệ An	100.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư Phát triển - CN Đông Đô	50.000.000.000	-
Ngân hàng Việt Nam Thương Tín- CN Nghệ An	24.000.000.000	-
Cộng	174.000.000.000	40.000.000.000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Văn phòng Công ty mẹ	147.684.707.677	207.852.940.462
Chi nhánh Thành phố Hà Nội	518.476.235	416.728.957
Công ty Công trình giao thông 422	375.962.230	107.103.992
Công ty Công trình giao thông 499	111.046.996	303.417.869
Chi nhánh BOT Tuyến tránh Vinh	18.452.341	39.771.116
Trung tâm dự án	-	42.208.120
Chi nhánh Lâm Đồng	11.105.576	6.499.457
Tổng	148.719.751.055	208.768.669.973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	33.826.760.784	59.520.257.061
Công cụ, dụng cụ	532.189.331	218.243.193
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	221.738.443.992	271.249.317.555
Cộng giá gốc hàng tồn kho	256.097.394.107	330.987.817.809
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	256.097.394.107	330.987.817.809

5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	85.050.574	4.557.329.912
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	247.656.030
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	63.122.229
Thuế khác	-	299.976.431
Tiền thuê đất nộp thừa	-	861.645.000
Tổng	85.050.574	6.029.729.602

6. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	92.710.900	106.937.300
Tổng	92.710.900	106.937.300

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2012	561.456.691.503	176.760.182.149	48.929.176.424	7.679.439.019	9.088.259.857	803.913.748.952
Tăng trong năm	14.879.599.014	44.634.047.779	6.939.250.281	1.499.086.910	9.222.683.814	77.174.667.798
Mua trong năm	-	5.739.456.082	2.478.146.364	1.499.086.910	840.381.818	10.557.071.174
Tăng khác	14.879.599.014	38.894.591.697	4.461.103.917	-	8.382.301.996	66.617.596.624
Giảm trong năm	286.611.676	28.970.059.977	1.352.966.100	1.820.762.641	-	32.430.400.394
Thanh lý, nhượng bán	259.632.728	4.471.453.264	-	-	-	4.731.085.992
Giảm khác	26.978.948	24.498.606.713	1.352.966.100	1.820.762.641	-	27.699.314.402
Số dư tại 31/12/2012	576.049.678.841	192.424.169.951	54.515.460.605	7.357.763.288	18.310.943.671	848.658.016.356
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2012	120.078.461.448	80.288.700.065	27.050.062.250	5.475.430.095	2.707.823.071	235.600.476.929
Tăng trong năm	40.604.620.145	25.666.586.328	4.020.735.509	974.246.427	3.842.913.012	75.109.101.421
Khấu hao trong năm	40.604.620.145	18.720.733.325	4.020.735.509	974.246.427	3.842.913.012	68.163.248.418
Tăng khác	-	6.945.853.003	-	-	-	6.945.853.003
Giảm trong năm	259.632.728	16.287.161.337	318.539.091	1.820.762.641	-	18.686.095.797
Thanh lý, nhượng bán	259.632.728	5.622.166.302	-	-	-	5.881.799.030
Giảm khác	-	10.664.995.035	318.539.091	1.820.762.641	-	12.804.296.767
Số dư tại 31/12/2012	160.423.448.865	89.668.125.056	30.752.258.668	4.628.913.881	6.550.736.083	292.023.482.553
GIÁ TRỊ CON LẠI						
Tại 01/01/2012	441.378.230.055	96.471.482.084	21.879.114.174	2.204.008.924	6.380.436.786	568.313.272.023
Tại 31/12/2012	415.626.229.976	102.756.044.895	23.763.201.937	2.728.849.407	11.760.207.588	556.634.533.803

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

8. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị: VND

NGUYÊN GIÁ

Số dư tại 01/01/2012

Tăng trong năm

Giảm trong năm

Số dư tại 31/12/2012

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại 01/01/2012

Tăng trong năm

Khấu hao trong năm

Giảm trong năm

Số dư tại 31/12/2012

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2012

Tại 31/12/2012

Quyền sử dụng đất

Tổng

2.963.879.371

2.963.879.371

-

-

-

-

2.963.879.371

2.963.879.371

417.398.945

417.398.945

-

-

-

-

-

-

417.398.945

417.398.945

2.546.480.426

2.546.480.426

2.546.480.426

2.546.480.426

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2012

01/01/2012

VND

VND

Xây dựng cơ bản dở dang

121.880.398.096

64.801.714.589

Văn phòng Công ty mẹ

110.044.373.547

58.904.852.577

Chi nhánh BOT Tuyển tránh Vinh

11.822.724.549

5.896.862.012

Công ty Công trình giao thông 422

13.300.000

-

Tổng

121.880.398.096

64.801.714.589

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

31/12/2012

01/01/2012

VND

VND

Đầu tư vào công ty con

67.960.448.574

82.722.388.574

Công ty CP xây dựng Công trình giao thông 419

8.036.028.800

8.036.028.800

Công ty CP Xây dựng và thương mại 423

-

8.670.040.000

Công ty Cổ phần 471

15.117.020.000

15.117.020.000

Công ty CP xây dựng Công trình giao thông 475

-

6.091.900.000

Công ty CP xây dựng Công trình giao thông 479

12.412.990.000

12.412.990.000

Công ty Cổ phần 482

17.684.707.600

17.684.707.600

Công ty CP xây dựng Công trình giao thông 492

14.709.702.174

14.709.702.174

Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh

76.296.750.000

63.884.810.000

Công ty liên kết

52.426.750.000

40.014.810.000

Công ty CP ĐTP&XDGT 208

7.484.000.000

7.484.000.000

Công ty CP xây dựng Công trình giao thông 228

4.900.000.000

4.900.000.000

CÔNG TY TNHH MTV TCT XD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4

Tòa nhà ICON4, đường Đê La Thành, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN**

Công ty CP xây dựng Công trình giao thông 246	4.970.000.000	4.970.000.000
Công ty CP SXVL&XDCT 405	1.386.500.000	1.386.500.000
Công ty TMĐT&XD 424	3.334.310.000	3.334.310.000
Công ty Cổ phần tư vấn 497	3.430.000.000	3.430.000.000
Công ty Cổ phần 473	9.200.000.000	9.200.000.000
Công ty CP xây dựng Công trình giao thông 484	5.310.000.000	5.310.000.000
Công ty CP Xây dựng và thương mại 423	8.070.040.000	-
Công ty CP xây dựng Công trình giao thông 475	4.341.900.000	-
Công ty liên doanh	23.870.000.000	23.870.000.000
Công ty TNHH BOT Yên Lệnh	23.870.000.000	23.870.000.000
Đầu tư dài hạn khác	1.961.500.000	1.961.500.000
Công ty CP Cơ khí và xây dựng CTGT 465	1.561.500.000	1.561.500.000
Dự án đầu tư cầu BOT cầu Cổ Chiên	400.000.000	400.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	5.385.458.500	32.730.810.000
Đầu tư công ty liên kết, liên doanh	5.385.458.500	32.730.810.000
Công ty CP SXVL&XDCT 405	556.500.000	556.500.000
Công ty CP xây dựng Công trình giao thông 246	1.491.000.000	4.970.000.000
Công ty CP xây dựng Công trình giao thông 475	2.170.950.000	-
Công ty TNHH BOT Yên Lệnh	-	23.870.000.000
Công ty TMĐT&XD 424	1.167.008.500	3.334.310.000
Tổng	140.833.240.074	115.837.888.574

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Số 01 Nguyễn Du, thành phố Vinh, Nghệ An	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP xây dựng Công trình giao thông 419	Số 9 Trần Nhật Duật, thành phố Vinh, Nghệ An		50,54%	50,54%	Xây dựng CTGT
Công ty Cổ phần 471	Số 54 - Nguyễn Du - TP Vinh - Nghệ An		49,56%	49,56%	Xây dựng CTGT
Công ty CP xây dựng Công trình giao thông 479	Số 155 - Đường Trường Chinh- TP Vinh - Nghệ An		43,28%	43,28%	Xây dựng CTGT
Công ty Cổ phần 482	Số 198 - Trường Chinh- TP Vinh - Nghệ An		50,90%	50,90%	Xây dựng CTGT
Công ty CP xây dựng Công trình giao thông 492			50,89%	50,89%	Xây dựng CTGT

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Số 24, ngõ 55 Phố Lê Đại Hành - Q. Hai Bà Trưng -HN	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP ĐTPT&XDGT 208	P.703-704 CT4-Khu ĐTM Mỹ Đình-Mễ Trì-Từ Liêm-Hà Nội		37,42%	37,42%	Xây dựng CTGT
Công ty CP xây dựng Công trình giao thông 228	Ngõ 199, Trung Kính, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội		44,55%	44,55%	Xây dựng CTGT
Công ty CP xây dựng Công trình giao thông 246	Đường Nguyễn Hữu Cánh, TP Đồng Hới, Quảng Bình		49,70%	49,70%	Xây dựng CTGT
Công ty CP SXVL&XDCT 405	Số 2 - Nguyễn Sỹ Sách - TP Vinh - Nghệ An		39,61%	39,61%	Xây dựng CTGT
Công ty TMĐT&XD 424	Số 72 - đường Nguyễn Sĩ Sách - TP Vinh - Nghệ An		49,03%	49,03%	Xây dựng CTGT
Công ty Cổ phần tư vấn 497	Số 7 Nguyễn Cảnh Hoan, thành phố Vinh, Nghệ An		49,00%	49,00%	Xây dựng CTGT
Công ty Cổ phần 473	Số 152, Trường Chinh, thành phố Vinh, Nghệ An		40,71%	40,71%	Xây dựng CTGT
Công ty CP xây dựng Công trình giao thông 484	Số 61 Nguyễn Trường Tộ, thành phố Vinh, Nghệ An		48,23%	48,23%	Xây dựng CTGT
Công ty CP Xây dựng và thương mại 423	Số 198B, Trường Chinh, thành phố Vinh, Nghệ An		49,32%	49,32%	Xây dựng CTGT
Công ty CP xây dựng Công trình giao thông 475			46,68%	46,68%	Xây dựng CTGT

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của công ty tại ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty liên doanh	Đường Chu Mạnh Chính, P.Lam Sơn, Tỉnh Hưng Yên	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH BOT Yên Lệnh			50,58%	50,58%	Xây dựng CTGT

CÔNG TY TNHH MTV TCT XD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4

Tòa nhà ICON4, đường Đề La Thành, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***11. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Văn phòng Công ty mẹ	4.207.026.147	3.349.289.156
Chi nhánh Thành phố Hà Nội	18.350.191.423	19.506.839.213
Công ty Công trình giao thông 422	18.986.568.579	9.047.938.978
Công ty Công trình giao thông 499	4.856.214.063	7.180.913.884
Chi nhánh BOT Tuyến tránh Vinh	8.029.760.844	8.567.445.823
Trung tâm dự án	563.055.601	510.150.338
Chi nhánh Lâm Đồng	3.030.233.520	2.740.445.637
Cộng	58.023.050.177	50.903.023.029

12. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<i>Văn phòng Công ty mẹ</i>	<i>465.422.847.443</i>	<i>402.795.414.600</i>
Vay ngắn hạn	465.422.847.443	402.795.414.600
- Ngân hàng ĐT&PT Nghệ An	342.300.427.944	280.686.840.563
- Ngân hàng Ngoại thương Vinh	99.757.453.249	86.799.841.778
- Ngân hàng Quốc tế Vinh	-	31.599.953.261
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Nghệ An	15.000.000.000	-
- Vay các đối tượng khác	8.364.966.250	3.708.778.998
Tổng	465.422.847.443	402.795.414.600

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	12.009.294.179	959.398.985
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.913.409.785	566.862.557
Thuế thu nhập cá nhân	768.480.067	210.222.582
Thuế tài nguyên	78.201.000	81.636.659
Các loại thuế khác	11.183.272	549.632.460
Tổng	34.780.568.303	2.367.753.243

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Văn phòng Công ty mẹ	581.601.634	2.436.873.956
Công ty Công trình giao thông 422	-	962.600.829
Công ty Công trình giao thông 499	-	72.488.273
Chi nhánh BOT	328.419.198	-
Tổng	910.020.832	3.471.963.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09-DN

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Văn phòng Công ty mẹ	5.277.404.081	7.238.230.561
Chi nhánh Thành phố Hà Nội	686.005.465	130.778.997
Công ty Công trình giao thông 422	1.735.565.912	303.499.120
Công ty Công trình giao thông 499	1.531.234.364	644.695.141
Chi nhánh BOT Tuyến tránh Vinh	891.915.686	343.772.780
Trung tâm dự án	(154.625.243)	39.386.788
Chi nhánh Lâm Đồng	236.673.605	280.224.044
Tổng	10.204.173.870	8.980.587.431

16. Vay dài hạn và nợ dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn	262.941.427.942	319.725.446.768
Vay ngân hàng	262.596.026.831	319.073.714.413
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Nghệ An	164.435.196.831	199.270.055.013
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Lâm Đồng	88.700.000.000	100.600.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vinh	9.460.830.000	19.203.659.400
Vay đối tượng khác	345.401.111	651.732.355
Vay cá nhân	345.401.111	651.732.355
Tổng	262.941.427.942	319.725.446.768



CÔNG TY TNHH MTV TCT XD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4

Tòa nhà ICON4, đường Đê La Thành, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	158.000.000.000	5.710.240	4.133.213.143	8.449.689.949	7.335.770.464	242.645.957	-	178.167.029.753
Tăng trong năm trước	8.598.808.007	27.651.582	-	8.664.515.431	1.701.417.141	-	17.424.491.911	36.416.884.072
Tăng vốn	2.934.875.083	-	-	-	-	-	-	2.934.875.083
Lãi	5.663.932.924	-	-	-	-	-	-	23.088.424.835
Tăng khác	-	27.651.582	-	8.664.515.431	1.701.417.141	-	-	10.393.584.154
Giảm trong năm trước	2.000	5.710.240	1.951.818.323	5.663.932.924	46.299.756	-	17.424.491.911	25.092.255.154
Giảm vốn	2.000	-	-	-	-	-	-	2.000
Giảm khác	-	5.710.240	1.951.818.323	5.663.932.924	46.299.756	-	17.424.491.911	25.092.253.154
Số dư cuối năm trước	166.598.806.007	27.651.582	2.181.394.820	11.450.272.456	8.990.887.849	242.645.957	-	189.491.658.670
Tăng trong năm nay	66.994.984.854	199.205.164	13.849.256	39.590.447.459	7.966.326.225	-	80.172.269.687	194.937.082.645
Nhận bàn giao	43.898.608.079	-	-	-	-	-	-	43.898.608.079
Lãi	-	-	-	-	-	-	-	80.172.269.687
Phân phối lợi nhuận	23.096.376.775	-	-	-	-	-	-	23.096.376.775
Tăng khác	-	199.205.164	13.849.256	39.590.447.459	7.966.326.225	-	-	47.769.828.104
Giảm trong năm nay	-	226.856.746	2.195.244.076	7.829.054.297	33.674.956	-	80.172.269.687	90.457.099.762
Giảm vốn	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	226.856.746	2.195.244.076	7.829.054.297	33.674.956	-	80.172.269.687	90.457.099.762
Số dư cuối năm nay	233.593.790.861	-	-	43.211.665.618	16.923.539.118	242.645.957	-	293.971.641.554



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vốn góp của Nhà nước	233.593.790.861	166.598.806.007
Vốn góp của đối tượng khác	-	-
Cộng	233.593.790.861	166.598.806.007

c) Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	166.598.806.007	158.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	66.994.984.854	8.598.806.007
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	233.593.790.861	166.598.806.007

18. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.158.348.490.925	1.688.925.050.928
Tổng	3.158.348.490.925	1.688.925.050.928
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Tổng	-	-
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.158.348.490.925	1.688.925.050.928
Tổng	3.158.348.490.925	1.688.925.050.928

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	2.897.645.990.790	1.513.006.704.702
Cộng	2.897.645.990.790	1.513.006.704.702

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi thanh toán	934.870.103	17.398.674.165
Lãi tiền gửi tiết kiệm	6.266.942.316	-

CÔNG TY TNHH MTV TCT XD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4

Tòa nhà ICON4, đường Đê La Thành, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

	Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.716.880.000	10.286.232.350
	Phí bảo lãnh hợp đồng	5.940.209.174	
	Thu lãi cho vay	19.374.688.544	-
	Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	78.003.001	-
	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	156.849.618	-
	Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.530.040	18.823.655.875
	Tổng	43.474.972.796	46.508.562.390
21.	Chi phí tài chính		
		Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
	Chi phí lãi vay	92.991.237.667	122.076.254.383
	Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	2.170.950.000	-
	Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	70.149.439	-
	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	176.955.923	-
	Chi phí hoạt động tài chính khác	39.364.516.718	7.933.488.128
	Tổng	134.773.809.747	130.009.742.511
22.	Lợi nhuận khác		
		Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
	Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	13.927.489.587	-
	Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	29.516.301.500	-
	Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	928.239.757	-
	Các khoản thu nhập khác	22.294.011.484	5.261.249.172
	Cộng thu nhập khác	66.666.042.328	5.261.249.172
	Các khoản chi khác	12.732.343.490	3.194.426.965
	Cộng chi phí khác	12.732.343.490	3.194.426.965
	Lợi nhuận từ hoạt động khác	53.933.698.838	2.066.822.207
23.	Chi phí thuế TNDN hiện hành		
		Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại	22.080.961.209	1.693.512.197
	Tổng cộng Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.080.961.209	1.693.512.197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Theo Công văn số 2178/BGTVT-TC ngày 19/03/2013 của Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty xây dựng Công trình giao thông 4 sẽ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 30/06/2013.

Ngoài ra không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn thuế (ATC) kiểm toán và đã được điều chỉnh theo kết luận của Kiểm toán nhà nước trong năm 2012.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Tổng Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Văn Trường Giang


Nguyễn Vĩnh Lộc




Lê Ngọc Hoa

